

# HOMMAGE

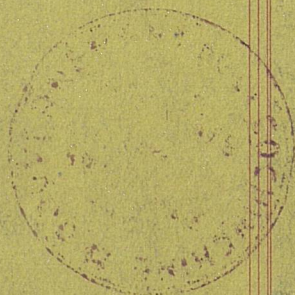
DE LA SOCIÉTÉ  
DES ÉTUDES  
INDOCHINOISES

A

SA MAJESTÉ —————

————— L'EMPEREUR

B Ñ O - Đ A I



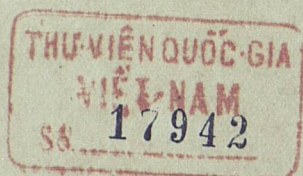
- - - Correspondance échangée - - -  
par S. M. l'Empereur ĐỒNG-KHÁNH  
avec Pétrus J.-B. TRƯỜNG-VĨNH-KÝ,  
- - - Érudit Cochinchinois - - -  
- - - - Textes traduits - - - -  
par M. Nicolas TRƯỜNG-VĨNH-TỔNG  
- - - et mis en vers français - - -  
par M. Raphaël BARQUISSAU

THƯ VIỆN KHOA HỌC  
TỔNG HỢP

ĐD

1541





# HOMMAGE

DE LA SOCIÉTÉ  
DES ÉTUDES  
INDOCHINOISES

A

SA MAJESTÉ ———

——— L'EMPEREUR

**B Ñ O - Đ A I**



- - - Correspondance échangée - - -  
par S. M. l'Empereur ĐỒNG-KHÁNH  
avec Pétrus J.-B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ,  
- - - Érudit Cochinchinois - - -  
- - - - Textes traduits - - - -  
par M. Nicolas TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG  
- - - et mis en vers français - - -  
par M. Raphaël BARQUISSAU



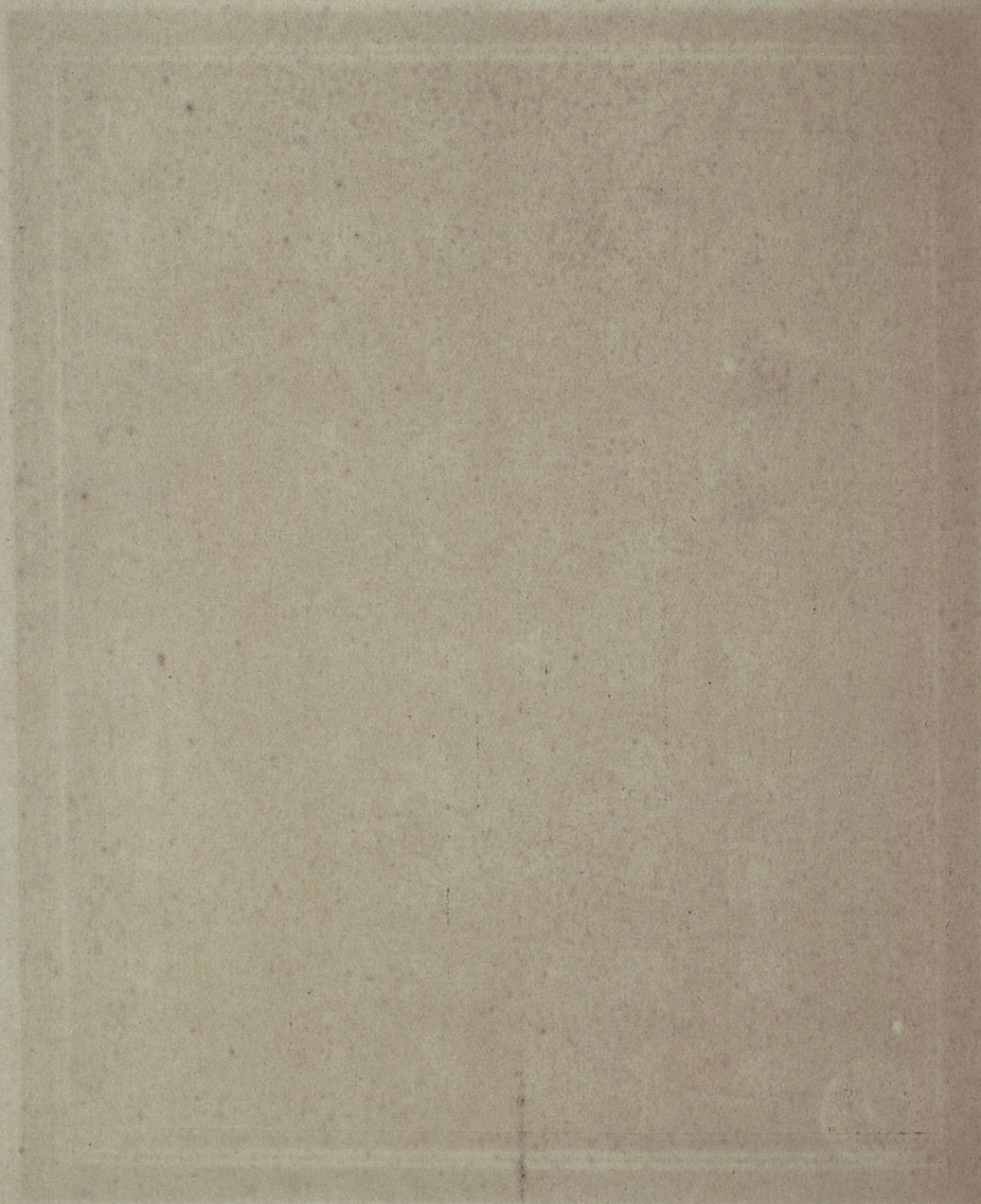




Lettre  
de S. M. l'Empereur ĐÔNG-KHÁNH  
à Pétrus J.-B. TRU'ONG-VĨNH-KÝ

Datée du premier jour du sixième mois  
de la deuxième année de ĐÔNG-KHÁNH







同慶二年六月初一日

恭錄

御賜序文

賜南中隱士張永記以翰  
林院侍講學士克御筵講  
論列國字話並金玉錦帛  
各項因成長律以固結之

併序





士君子爲世所貴莫大乎  
網常古之人歆歆誦讀若  
將終身一旦翻然起者行  
君臣之義也張士載南中  
人也生而穎慧博學洽聞  
歐亞諸國遊跡殆遍字話  
風物無所不知而未嘗受  
一職以違父母之邦歸則





隱居授徒不爲俗累嗣聞  
京報遂乘風破浪而來國  
尔忘家公尔忘私講信修  
睦動人以誠當此國步多  
艱而爲朕贊助彼此周旋  
纔六月間事事稍濟誠第  
一流人物也夫南土久屬  
大邦國朝文化所罕及而



有張君之才如此其卓卓  
豈非江山秀毓先朝教澤  
所貽歟朕喜得張君而更  
有感也昨經拔授翰林院  
侍講學士辰侍御筵講論  
列國字話典故朕將樂此  
不爲疲更望其盡展謀謨  
以弘濟艱難也無柰晤談





未幾遽已請回朕一念真  
誠有加無已再賜良玉  
如意一把南金拾兩犀角  
一座上錦三連紗帛捌枝  
舊銃二口琤琛櫃一並寡  
人真容一幅又初生辰奉  
皇考恩賜玉磬  
以刻孝悌  
忠信四字願  
留爲世寶今張君贈之不



忝生平好士一念並詩一  
篇以示情懷君與其子宜  
善體之古人有云始終勉  
盡君臣義內外無志憂愛  
情朕亦併以期望庶幾不  
忘本始寸言願畧永願銘  
心朕亦得待賢之報云





滄海橫波日  
丹圻劫火餘  
殷憂悲境遇  
壹鬱藉誰舒  
國運逢多難  
良材歆備儲  
山川呈秀毓  
化澤火含茹  
鹿野天王地  
梅岡處士廬  
望中人忽見  
名下士泚虛  
卓犖今難匹  
搜求古與居  
舌端窮寄譯  
足跡遍方輿



杖策歸蓮幕  
披丹就玉除  
寧嫌相見晚  
願矢本心初  
水土恩思報  
榮華念悉祛  
富彊先決策  
山海續成書  
志是乘槎壯  
謀將借箸摠  
楚材歸我用  
晉杜豈終墟  
懷抱誰相識  
聲名獨讓渠  
懷林知越鳥  
得水羨游魚





何事圖難竟  
遭逢非偶尔  
海氣重洋靜  
飄飄誰似子  
地遠心當迤  
芳筵情款曲  
韻筆畱翰墨  
祇期忠信在

令人意不如  
倏忽賦歸與  
秋風五月噓  
渺渺重懷予  
神親迹靡疎  
別路忽躊躇  
佳詞愧珮琚  
夙夜永終譽



同慶元年捌月貳拾柒日

御筆勅贈

米生於水

青出於藍

如坐春風中

同慶丙戌年七月

御筆勅賜

經充

御前侍講列國字話之南中





隱士張丈人  
無友如己  
有德必言  
萬里雲霄一羽毛

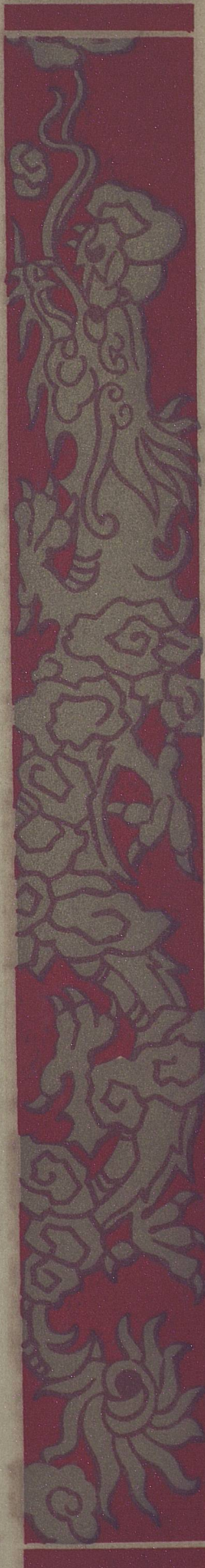




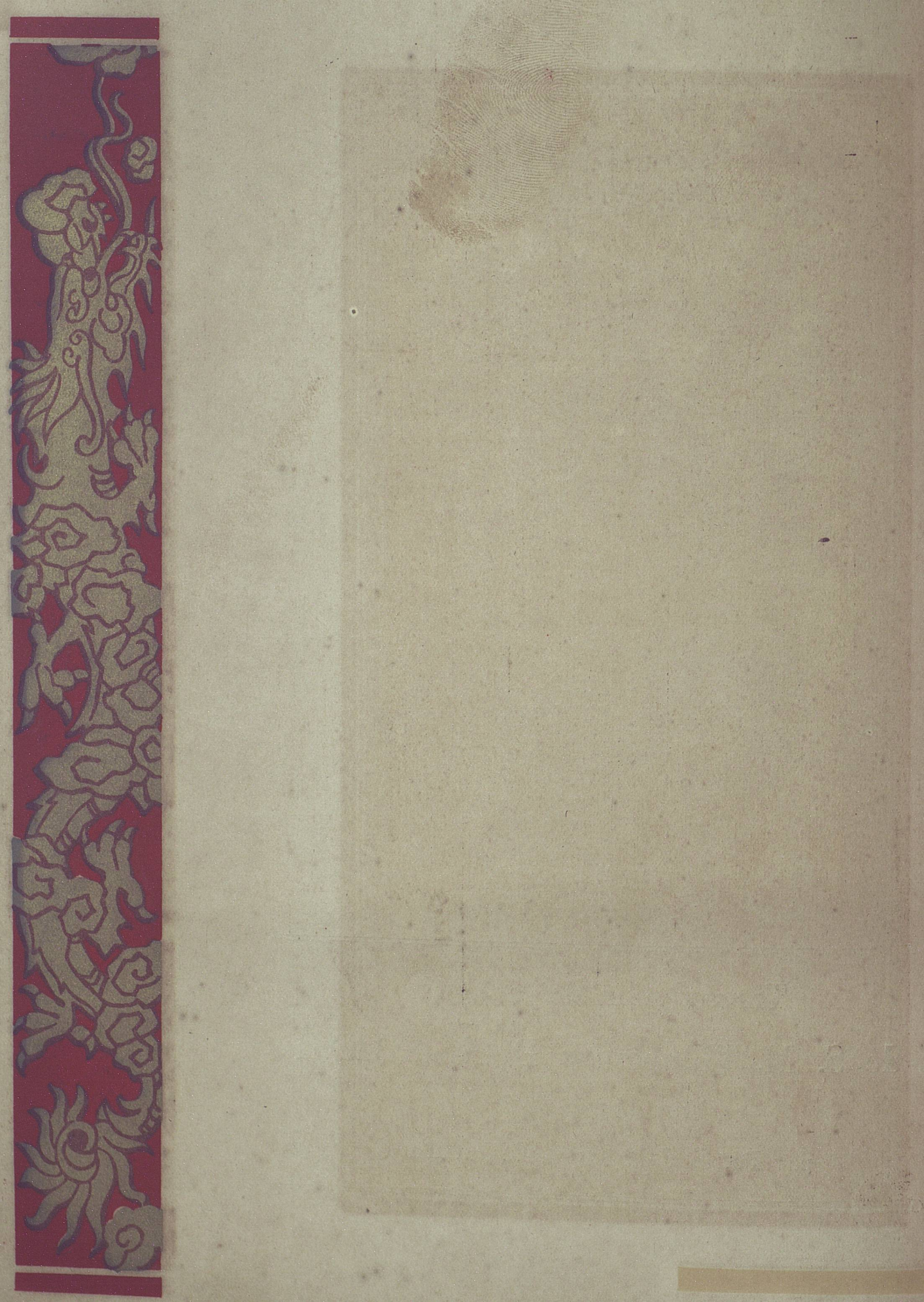




Transcription de la Lettre  
de S. M. l'Empereur ĐÔNG-KHÁNH  
en Quốc-Ngũ,  
par Pétrus J.-B. TRUÔNG-VĨNH-KÝ









# Ngũ· Tú· Tự· Văn· Diễn· Thuật

Trời Nam vận mở thái-hòa,  
Châu kỳ phong vực Langsa biên-thùy ;  
Lên ngôi Hoàng-đế chánh vị,  
Cải nguyên Đồng-Khánh ứng kỳ trung-hưng ;  
Hồng-dồ truyền kể đã ưng,  
Quan-giai mấy bậc đều xưng can-thành ; (1)  
Núi sông trời khéo khéo dành,  
Xui lòng thành-tín rạng danh thuận-hòa ;  
Ông Trương-sĩ-Tải vâng ra,  
Chánh-chung việc nước vốn là người Nam ;  
Cũng niềm kinh-tế an-bang,  
Trí đưa tấc lưỡi giúp an kinh-kỷ ;  
Ơn trên đức phủ nhân tuy, (2)  
Dụng tình cố kết làm ghi công người ;  
Hoa xuân nhuộm được màu tươi,  
Vinh quang sủng mộc (3) thật người thơ-đường ; (4)  
Ăn-cần tình nghĩa làm gương,  
Đã lời chiếu-dụ lại chương luật Đường ;  
Cho người ăn-sĩ họ Trương,  
Hàn-lâm thị-giảng mông-đường văn-ban ;  
Thồ-âm các nước luận bàn,  
Dịch lời tiếng chữ hàng quan triều-thần ;  
Lại đồ nội phủ báu trâu,  
Huỳnh-đàng ngự-bút cũng nhân một lần ;  
Trọng thu tháng ấy vừa cân,  
Ngày hai mươi bảy nhạc-quân tiến-hành ;  
Rõ ràng sự ấy đã thanh,  
Nam trung nước biếc non xanh từng ngày ;  
Ơn trên tưởng lại bấy nay,  
Vâng đem ý chỉ diễn bài quốc-âm ;  
Ấy ai đứng bậc sĩ-lâm,

(1) 城干— Kinh-thị: Cụ cụ vũ phu, công hầu can-thành: Kẻ chống đỡ cho vua cũng như giáo như thành — người hay (giỏi).

(2) 綏仁撫德— Đức vỗ lòng nhân ra yên bốn phương.

(3) 沐寵光榮— Gội nhuần ơn vua mà được vang-hiền sáng-danh.

(4) 隱堂書— Người học trò chỗ thơ-đường ở ẩn mà có tài làm tướng được.





Phải toan nhứt đức nhứt tâm (1) cần quyền ;  
 Lời rằng : quân-tử sĩ-hiền,  
 Cương-thường là trọng, kinh-quyền rất sang ;  
 Kia xưa Y-Doãn ngồi quan,  
 Cũng người sẵn dã, chí toan học-hành ;  
 Đường như vui trọn đời mình,  
 Một mai Trưng-Triệu (2) cũng dành nghĩa tôi ;  
 Nay Trương-sĩ-Tải là người,  
 Sanh trong Nam-thổ thật tài lẫu thông ;  
 Âu A (3) mọi nước núi sông,  
 Dấu chơi cũng khắp, chẳng không nước nào ;  
 Tiếng-tầm chữ nghĩa làm sao,  
 Người hay thói lạ đều vào mắt tai ;  
 Tiếc thay chưa chút quan-giai,  
 Nước mình cha mẹ để ai trái tình ?  
 Những toan rảnh việc giấu mình,  
 Về nhà dạy học làm thình chuyện đời ;  
 Liền nghe kinh báo sự người,  
 Có lòng vượt biển vượt vời tới nơi ;  
 Ra tài vì nước đua bơi,  
 Tư-gia những việc bỏ khơi tấm lòng ;  
 Lấy lời lân-hảo lẽ công,  
 Ép niềm thành-tín gỡ vòng tham-ngoan ;  
 Đương nay vận Nước nhiều nan,  
 Vì ta giúp-đỡ lo toan những điều ;  
 Việc kia mỗi nọ cũng nhiều,  
 Vừa trong sáu tháng thấy đều đặn an ;  
 Thật tài tế-thể kinh-bang, (4)  
 Bạc người thử nhứt, khôn-ngoan ai tày ?  
 Trong Nam cũng tưởng lâu nay,  
 Quốc-triều văn-giáo ít hay gọi nhuần ;  
 Nay người Trương-thị xuất trần,  
 Tài xem hạc lập kê quần (5) mới ưng ;  
 E hay non nước không chừng,

(1) 心一德 — Đồng đức đồng tâm.

(2) (士處召徵) 召徵 — Vời người sĩ ở ẩn ra làm quan.

(3) Âu — Âu-la-ba = phương tây (Europa).

A — a tế-a : asia, phương đông

(4) 邦經世濟 — Đem kinh - luân chước - sách mình ra mà giúp đời.

(5) 群鶴立鷄 — Con hạc đứng giữa bầy gà.






Khí linh sớm đức nên lưng anh-hào ;  
Hay khi công-đức dường bao,  
Tiền-triều dành để thề nào mà hay ;  
Ta mừng gặp đặng ngày nay,  
Người Trương, nghĩ cũng cảm thay tấm lòng ;  
Lại tăng thẳng chức gia phong,  
Hàn-lâm thị-giảng hầu trong ngự tiền ;  
Thỗ-âm các nước ghi biên,  
Tiếng-tấm chữ-nghĩa trao truyền truyện xưa ;  
Đêm ngày tai mắt lòng ưa,  
Dường bằng chẳng mỗi vui đưa tháng ngày ;  
Có lòng trông cậy một tay,  
Hết bài trí-lự đỡ ngày gian nan ;  
Mảng vui nghe chuyện luận đàm (bàn) ,  
Không dè từ-tạ vội-vàng hồi-hương ;  
Nghĩ tình khôn xiết phân trương,  
Ngày vui chưa mấy, dặm đường đã xa ;  
Lòng ta một tấm thật thà,  
Nỗi tình nào xiết lại là có hơn ;  
Của này gọi chút riêng ơn,  
Lại ban cho đó tư-nhơn ghi tình ;  
Một hình như-ý ngọc lành,  
Vàng điều mười lượng của dành lâu nay ;  
Sừng tây một cái báu này,  
Điều thương kim-tự hai cây sừng rày ;  
Ba liên gấm tốt hàng này,  
Hàng tàu hàng đoạn kẻ rày tám cây ;  
Xả-cử tử cần tốt thay,  
Cũng là một cái ngày nay lưu tình ;  
Chân-dung một tấm đồ-hình,  
Của ta cho đó dấu mình tương-thân ;  
Ngày xưa Hoàng-Khảo tiên-quân,  
Ban cho ngọc-khánh sanh thần thuở ta ;  
Đề đời làm báu ấy là,  
Nay ta cho đó đề mà gương tin ;  
Ơn kia ngãi nợ giữ-gìn,  
Một niềm ta chuộng sĩ-hiền bấy nay ;  
Ngũ ngôn trường-luật thi này,  
Bày tình gặp gỡ những ngày trông-mong :







Xiết sao ngàn dặm tắc lòng,  
Con người nên cũng như lòng với người ;  
Biết ta có ý với người,  
Đo lòng mình cũng vưng lời xét coi ;  
Người xưa lời dễ rạch-ròi,  
Thiên-Tường (1) đời Tống là người tôi ngay ;  
Cũng rằng làm bậc tôi rày,  
Nghĩa vua sau trước ngàn ngày lo toan ;  
Trong ngoài gần dạ keo sơn,  
Trung quân ái-quốc chớ sờn ngãi ngay ;  
Những lời vàng đá tỏ bày,  
Ta trông-mong đó như ngày người xưa ;  
Chớ quên một hạt ơn mưa,  
Nước nguồn cây cội (2) lọc lừa lòng riêng ;  
Tắc gang lời nói cũng gìn,  
Năm châu tháng lặn cũng xin ghi lòng ;  
Thù công báo đức nơi trong,  
Thì ta cũng đặng trông-mong người hiền ;  
Một lòng thiết-đãi cần-quyền,  
Một lòng yêu-chuộng nối biên thi này ;  
Nhớ ngày sóng biển gió gay,  
Kinh-ký một ngọn khói bay mây tàn ?  
Thương ta gặp cảnh cháy gan,  
Một niềm uất-ức muốn toan thanh nhàn ;  
Lấy ai nhờ nổi cơ-quan,  
Vi ta tính cuộc giải-khoan tắc lòng ;  
Gặp cơn vận nước long-dong,  
Người tài muốn sẵn đề phòng cật tay ;  
Có chẳng non nước những ngày,  
Khí linh sớm đức đã bày người hay ;  
Gấm ơn công-đức lâu nay,  
Thảo-lai cũng gặp có ngày mà hay ;  
Đồng-nai cội đất nước này,  
Cửa Tiên liệt-để những ngày phân cương ;

(1) Thiên-Tường — Tống-văn Thiên-Tường, nhà Tống suy rồi, ông ấy ra bãi tướng dựng lại cương-thường mà yên lại được hai ba mươi năm.

(2) Nước nguồn cây cội, 源水本木 : Vũ lộ chi ân, là căn cốt chẳng nên quên.





Gò Mai ai biết thơ-đường, (1)  
 Cũng nhà xử-sĩ Long-Cương (2) mà rằng ;  
 Trải bao ngóng gió ngó trăng,  
 Phút đầu người đến, đã bằng lòng trông ;  
 Vẫn nghe danh-sĩ chẳng không,  
 Nay xem biết chắc lâu thông thật tài ;  
 Siêu-quần (3) nay có mấy ai ?  
 Xa-thơ uyên-súc (4) ví người tài xưa ;  
 Phương tây chót lưỡi tiếng đưa,  
 Dịch làm chữ nghĩa đã thừa mấy nơi ;  
 Lại khi các nước chơi-bời,  
 Dầu giầy đã khắp các lời thổ-âm ;  
 Tờ đây kết nghĩa đoạn-câm, (5)  
 Mản sen về chốn cơ tâm giúp bàn ;  
 Đã tình trải tấm niềm đơn,  
 Trước nơi thềm ngọc Thiên-nhan châu gần ;  
 Gặp đây lựa phải mấy lần,  
 Chớ phân rằng muộn, chớ cần rằng trưa ;  
 Hãy xin ngãi mển tình ưa,  
 Hết bày cạn nỗi sau xưa tấm lòng ;  
 Một câu hiếu-đễ tín-trung,  
 Lo đền ơn nọ đất trong nước nhà ;  
 Những niềm riêng tưởng vinh-hoa,  
 Phù-vân nghĩ lại nên chê tắc lòng ;  
 Chúc chi bạc lãng đồng-mông, (6)  
 Nước giàu binh mạnh cũng trông đó bày ;  
 Dầu khi cách núi xa vời,  
 Trương-Nghi (7) nổi tập dâng lời biểu tiên ;  
 Đời xưa cũng có Trương-Khiên, (8)  
 Cỡi bè vàng mạng sứ miền Hung-Nô ;  
 Ấy là vì nước viễn đồ,

(1) 堂書 — Người học-trò chỗ thơ-đường ở ẩn mà có tài làm  
trưởng được.

(2) Xử-Sĩ Long-cương chỉ ông Khổng-Minh Ngọa-Long-Cương.

(3) Siêu-quần bạc tuy là tốt hơn cả bày : hơn người ta hết...

(4) Xa-thơ... Học phú ngũ xa-thơ — Học sách để quá 5 xe... Uyên  
súc là việc sâu nuôi cá : chỗ chứa học nhiều, giỏi...

(5) Đoạn-câm, 金斷義其心同人 : Hai người đồng lòng thì  
cái nghĩa nó quý như nén vàng chặt hai ra đồng nhau.

(6) Có câu : bi thuyền bạc lãng chiến đồng mông : thuyền da cỡi  
sóng có mông-xung đỡ đạn : Kể đánh giặc...

(7) Tích Tô-Tần, Trương-Nghi đời Chiến-quốc, Oai-liệt-Vương...  
hay bày chúc mớc.

(8) Trương-Khiên : Đời Hán-võ-Đế cỡi bè mà đi xú Hung-Nô.



Cũng mong chí dò Việt Hồ dậm khơi ;  
 Trương-Lương xưa cũng là người, (1)  
 Vua ăn mượn dũa, tính lời thiệt hơn ;  
 Ấy là cặn tấm lòng đơn,  
 Đó toan mưu-chước, chớ sồn nghĩa ngay ;  
 Tiếc thay Da-luật những ngày,  
 Trung-thor chức-chưởng nên tay danh hầu ;  
 Cứu dân khen cũng nhiệm mầu,  
 Khéo bề cơ-biến gấm âu có tài ;  
 Phải chi ta dụng đặt ai,  
 Can chi một cuộc lâu dài chẳng nên ?  
 Phải chi đó cũng lòng bền,  
 Can chi nhà Tấn ra nền thử-ly ; (2)  
 Mắt xanh (3) mấy bậc kỷ-tri ?  
 Mấy trang tài đức mấy khi ai tường ?  
 Tiếng thơm danh lạ một đường,  
 Tài kia có một dễ nhường cho ai ;  
 Tiếng chim hay cũng êm tai,  
 Mến rừng phải biết nhớ hoài lòng trông ;  
 Khéo khen con cá giữa sông,  
 Chắc rằng đặt nước mới mong vẫy vùng ;  
 Sở xưa Ngô Ngụy bắc đông.  
 Đặt ông Gia-Cát mới trông vững vàng ;  
 Việc chi mà có khó toan,  
 Khiến ai luống những rộn-ràng lòng lo ;  
 Lẽ kia ta cũng đã dò,  
 Trời xanh nghĩ cũng in đo tắc lòng ;  
 Khiến nên gặp-gỡ dèo-bòng,  
 Tinh cờ mà lại một lòng chúa tôi ;  
 Đêm ngày châu-chực bên ngôi,  
 Sơn-vi (4) người nhớ chỗ ngồi thảo-lư ;  
 Vội vàng lời biểu tạ từ,

(1) Trương-Lương nghe Lịch-tử Cơ bày chước phong lục quốc... vào khi Hán-cao-tổ đang ngự thiện, bèn phải bãi việc ấy đi, mời tâu vua mượn dũa vua ăn mà tính lợi hại cho vua nghe.

(2) Kinh-thi : thử tắc ly ly — nhà Châu suy đi rồi, nên xã-tắc mọc cỏ mọc lúa lên... hừ đi.

(3) Mắt xanh : mắt trong 眼 青 là người biết nhau : chớ không thì tưởng ai cũng là con mắt đục hết mà thôi.

(4) Sơn-vi — rau vi chỗ đất cũ của mình : chỉ nhớ nhà, nhớ chỗ mình ở xưa.





Qui-thiền (1) một gánh đã xa dặm ngàn ;  
Xiết bao non-nước nam quan ?  
Đào-Tiền (2) người nhớ lời làm qui lai !  
Tình ta khôn nổi quan hoài ;  
Cũng trông lòng đỏ lâu dài niềm-son,  
Xin cho trời đất vuông tròn ;  
Biển êm sóng lặng mắt mòn ta trông,  
Kéo người chịu những lạnh lùng ;  
Giò thu năm tháng thời chong đêm ngày,  
Ngày nay một cánh buồm bay ;  
Tắm lòng phơi-phới ai tày như người ?  
Tình ta khôn nổi vui cười,  
Nhớ ai vội-vội như người vọng-phu ?  
Người về chốn cũ thảo-lư,  
Đất xa nên phải cũng như lòng gần ;  
Tâm thần nghĩ cũng tương thân,  
Chớ xa tình nọ như gần với nhau ;  
Tiệc đưa chén cúc ruồi mau,  
Dương quan mấy nỗi quặn đau chín chiều ;  
Chút tình để đó dặt điều,  
Ngô-sơn Sở-thủy quạnh-hiu bước đường ;  
Dần-dừ tình nhớ nỗi thương,  
Ngũ ngôn trường luật đề trương huỳnh-dàng ;  
Chữ phê ngự bút cũng rằng :  
Lời vàng tiếng ngọc hờ mong Sĩ-hiền ;  
Ngay tin cùng lấy kinh quyền,  
Một niềm trông đó căn-quyền sau xưa ;  
Đêm ngày gìn giữ lo-lừa,  
Danh thơm tiếng tốt mới vừa lòng ta ;  
Người xưa âu cũng thế-mà,  
Người nay nên sánh mới ra bậc hiền ;  
Tiếng khen ngàn thuở lưu truyền,  
Nay ta gặp đó xin duyên đề đời

(1) Qui-thiền : xe chở đồ mà đi về.

(2) Tống Đào-Tiền vì xử sĩ : Đào-Tiền làm huyện đất Bành-Trạch, tức mình vì người ta biểu phải mang đai bận áo ra mà tiếp cái anh lại, đem từ quan trên đến, thì bỏ chức, thôi làm quan đi, mà làm sớ tâu xin về.









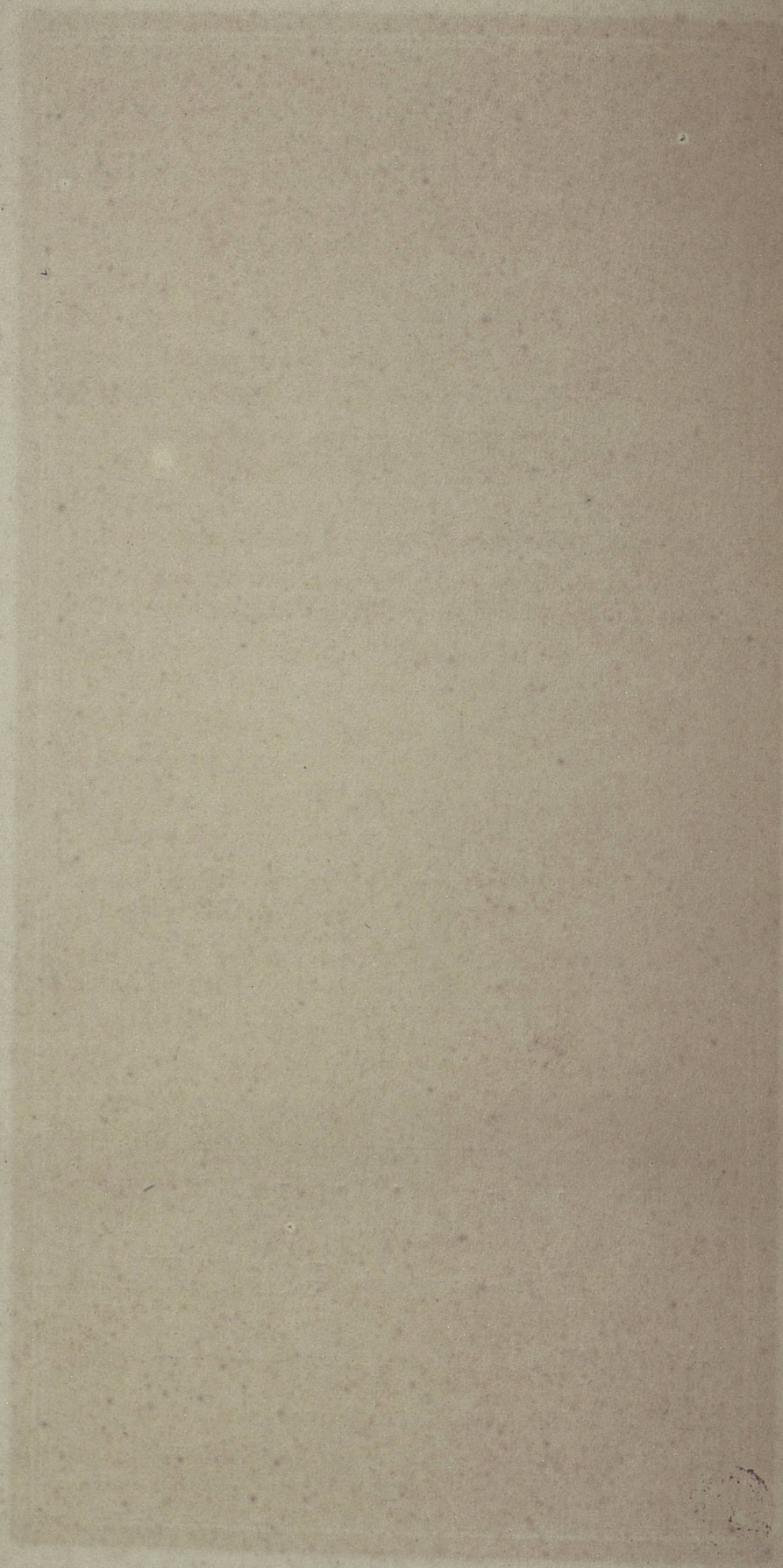
---

Traduction de la Lettre  
de S. M. l'Empereur ĐÔNG-KHÁNH  
par M. Nicolas TRUÔNG-VĨNH-TÔNG  
Mise en vers français  
par M. Raphaël BARQUISSAU

---









Par la France guidé vers une paix prospère,  
L'Empereur est monté au trône de ses pères.

Le chiffre de Đồng-Khánh pour son règne adopté  
Dit qu'il est là pour restaurer l'autorité.

Du nouvel empereur vivantes citadelles, <sup>(1)</sup>  
Les dignitaires ont juré d'être fidèles.

Dès lors fleuves et monts, habitants et cités  
Sont à lui, pacte heureux dans les cœurs cimenté.

Le lettré Trương-Sĩ-Tái, <sup>(2)</sup> sous de très hauts auspices,  
Est venu à sa cour se mettre à son service.

Ce génie a usé de son pouvoir de paix  
Pour aplanir au Roi les troubles du palais.

C'est pour perpétuer cette page d'histoire  
Que le Roi, par faveur, composa ce mémoire.

Si par les fleurs tout le printemps est embaumé,  
La gloire est au lettré comme un bain parfumé.

Un édit par ailleurs, par un public hommage,  
De la faveur royale énumère les gages,

Proclame Hàn-Lâm-Thị-Giảng et mandarin civil  
Le lettré qui vécut en volontaire exil,

Et dont le grand savoir en langues étrangères  
A brillamment servi les royaux dignitaires.

Parmi d'autres objets précieux, il reçoit  
Un pinceau par le Roi manié de ses doigts.

Il partit le vingt-sept du mois de mi-automne,  
Aux accents des musiciens de la couronne.

Ne méritait-il pas les honneurs d'un vrai dieu,  
Lui, l'honneur des pays du Sud et du Milieu ?

Le texte impérial, par faveur singulière,  
Est ci-après traduit en langue populaire.

Que ceci, vrai miroir des cœurs et des vertus,  
Commémore aux lettrés l'exemple qu'ils ont eu.

(1) CAN-THÀNH. — Citadelle-Expression historique signifiant que les fidèles sujets du roi meurent et ne se rendent pas. Tant qu'ils sont vivants, les citadelles dont ils assurent la garde ne passent pas à l'ennemi.

(2) SĨ-TÁI. — Nom littéraire de TRƯƠNG-VĨNH-KÝ, celui-ci de son vivant, en s'adressant à un tiers se donne l'appellation de Ô-SĨ-TÁI, Ô veut dire indigne, soit : l'indigne SĨ-TÁI.





## IL EST DIT DANS L'ÉDIT ROYAL :

Honneur à celui-là qui, de sagesse empli,  
A mis tout son honneur au devoir accompli.

Avant de devenir les plus hauts dignitaires,  
Y et Doãn <sup>(3)</sup> jadis furent gens de la terre

Les sœurs Trung et Triệu <sup>(4)</sup>, mourant pour leur pays,  
Ont montré du devoir le prestige infini.

Parmi tous ces héros nous voulons que l'on voie  
Le lettré Trương-Sĩ-Tái, que le Sud nous envoie.

De l'Europe qu'il a visitée, aujourd'hui  
La plupart des pays sont bien connus de lui.

De ces pays, il sait la langue et l'écriture ;  
Il en possède à fond les mœurs et la culture.

Il n'est pas mandarin encor, bien qu'un enfant  
Doive aux ordres du père un respect triomphant.

Professeur oublieux des choses de la terre,  
Il ne voulait qu'une existence solitaire.

Mais dès qu'un ordre eut fait appel à son concours,  
En traversant la mer, il vint à notre cour.

Il a, pour se donner à la tâche assignée,  
Refoulé dans son cœur ses pensées résignées.

Il a mis sa finesse et l'élan de sa voix  
Au service de la justice et du bon droit.

Avec tact, il a pris l'intérêt de son maître  
Contre les intrigants cupides et les traîtres.

D'innombrables dangers menaçaient le pays ;  
Six mois d'efforts à peine, et son rôle est rempli.

Le péril conjuré, son talent qui s'impose  
Harmonise l'Etat et gagne notre cause.

Comment a donc pu s'allumer un si beau feu  
Sur la terre du Sud, où l'on s'instruit si peu ?

La famille des Trương a vu jaillir un aigle  
Qui a réduit une basse-cour à sa règle.

Quel arrêt du destin suprême a engagé  
Un tel génie à naître et à nous protéger ?

(3) Y-DOÃN. — Les premiers ministres fondateurs de la dynastie des THƯỜNG.

(4) Les sœurs TRƯNG-TRẮC & TRƯNG-NHỊ, la guerrière TRIỆU-ÂU qui chassèrent les Chinois, libérant l'Annam de la domination chinoise.





Avons-nous obtenu de le voir apparaître  
En échange de la vertu de nos ancêtres ?

Quant à nous notre joie est immense, du jour  
Où sa présence a honoré notre séjour.

En le nommant d'emblée au grade quatrième,  
Nous l'avons fait servir auprès du trône même.

Tant de langues qu'il sait couramment manier  
Lui rendent le lointain passé familier.

Jour et nuit, sans lasser ses yeux ni ses oreilles,  
A lire, à composer, il consacre ses veilles.

Nous goûtions son savoir largement épanché,  
Ses avis sûrs contre de multiples dangers.

Mais le cours est rompu des leçons amicales :  
Voilà qu'il veut partir pour sa terre natale.

Unis pour peu de jours, pour jamais séparés,  
Notre cœur souffre d'un chagrin démesuré.

Rien ne pourra combler ce vide dans notre âme :  
Il part, l'homme avec qui si bien nous travaillâmes.

Qu'il prenne en souvenir de notre intimité  
Et qu'il conserve en entière propriété :

L'écrin de jade (le Nhur-Ý, comme on l'appelle) ;  
Dix taëls d'or de notre caisse personnelle ;

Une corne d'ivoire et deux fusils montés ;  
Trois rouleaux de brocart de belle qualité ;

Huit pièces de notre plus beau satin de Chine ;  
Un bahut incrusté d'une nacre très fine.

Puissent tous ces objets redire à notre ami  
A quel haut rang d'honneur notre estime l'a mis.

Notre portrait dont il emporte un exemplaire,  
Lui redira notre amitié que rien n'altère.

Notre père, de son vivant, nous a donné  
Un Ngoc-Khánh indiquant quel jour nous sommes né.

Cet objet précieux, ce bien de descendance,  
A notre ami nous le donnons en confiance.

Tous ces dons ne sont rien. Mais que soit répandu  
L'éternel souvenir des services rendus,

Dont le présent récit est la marque tangible  
D'une amitié qui doit rester indéfectible.

L'un de l'autre éloignés dans l'espace infini,  
Par la pensée et par le cœur restons unis.



Cette union des cœurs a pu donner passage  
 Entre nous, tant de fois, à des conseils si sages.  
 De même que Thiên-Tường <sup>(5)</sup> dans les temps abolis  
 Fut l'exemple de ceux qui servent leur pays.  
 De ces hommes fameux dont l'entier sacrifice  
 A la patrie, au roi marquèrent les services.  
 De même notre ami, parfait homme de bien,  
 Mérite les honneurs des ministres anciens.  
 La simple goutte d'eau, sans qui la source est vide,  
 Est l'ami bienfaisant des végétaux avides ;  
 Tels ses conseils, gravés dans notre cœur profond,  
 Malgré les ans, les mois qui passent, resteront.  
 Ceci pour son mérite est un public hommage  
 Et de nos sentiments le vivant témoignage.  
 Pour mieux garder son culte à notre grand ami  
 Nous devons retracer ses traits dans ce récit.  
 Malheureux, nous cherchions un port dans la retraite,  
 Quand vous êtes venu, pilote en la tempête.  
 Vous vous êtes offert : notre âme se calma,  
 La confiance en notre cœur se ranima.  
 Dans les périls affreux que courait la patrie,  
 Il nous fut précieux d'entendre un tel génie.  
 Sans doute que le Ciel vous marqua de tout temps  
 Pour remplir près de nous votre rôle éclatant.  
 Vous nous avez guidé vers la joie et la gloire,  
 De nos nobles aïeux nous redisant l'histoire.  
 Le Đồng-Nai n'est-il pas un fragment de nos terres,  
 Comme le port de Tiên, limite héréditaire ?  
 L'île de Mai, votre séjour, nous revient donc :  
 Les Dieux nous destinaient l'homme de Long-Cuong.  
 Les changements de vent, les changements de lune  
 L'ont enfin apporté, l'élus de la fortune.  
 C'était donc lui, c'était ce prince du savoir  
 A qui de prime abord sont allés nos espoirs.  
 Il sait, comme autrefois, cinq charrettes de livres. <sup>(6)</sup>  
 Les lacs <sup>(7)</sup> ne tiendraient pas le savoir qui l'enivre.

(5) THIÊN-TU'ÔNG — Homme d'Etat de la dynastie des TÔNG. Il a eu le mérite de relever la puissance de son pays qui tombait en décadence.

(6) XA-THO'. — Charrettes de livres, dans l'antiquité les grands savants connaissaient par cœur cinq charrettes de livres.

(7) UYÊN-SÚC = LAC. — Dans l'antiquité on comparait le savoir à la contenance des lacs.



Des pays d'Occident bien des livres par lui  
Dans la langue de ce pays furent traduits.

Il les a visités, il en connaît les hommes ;  
Il cause avec chacun dans son propre idiome.

Nous avons partagé le lingot d'amitié. <sup>(8)</sup>  
Le rideau rouge s'ouvre à son pas familier.

Libre avec nous, il garde aux fêtes rituelles  
Un rang respectueux, mais digne de son zèle.

Que de fois, cher Sĩ-Tái, vous avez répondu  
Soit de jour, soit de nuit, à l'appel entendu.

Par nos longs entretiens chaque jour se cimente  
Dans nos cœurs mieux unis une amitié fervente.

Fils pieux et sujet fidèle à votre Roi,  
Servir votre patrie est votre unique loi.

Le faste et les honneurs, ces choses passagères,  
Ne sont à vos regards que des nuées légères.

Vous voulez que, navire au départ destiné,  
Notre pays soit riche et puissamment armé.

Vous nous avez promis que vos conseils critiques,  
A l'instar de Trưong-Nghi, <sup>(9)</sup> nous viendraient  
[par suppliques.

Trưong-Khiên <sup>(10)</sup> aux temps anciens sur un frêle canot  
Partit en ambassade au devant des Hùng-Nô. <sup>(11)</sup>

S'offrant en holocauste à ces peuples sauvages,  
Il obtint à son roi la paix et leur hommage.

Trưong-Lưong <sup>(12)</sup> à son roi fit comprendre un danger  
En se servant de ses baguettes à manger.

Les loyaux serviteurs gardent en leur mémoire  
Ces exemples fameux dont s'illustre l'histoire.

Depuis longtemps déjà votre mérite exquis  
Au pouvoir, cher Sĩ-Tái, vous aurait fait marquis ;

Car pour le bien public matant le sort hostile  
Vous savez dénouer les crises difficiles.

(8) Les anciens coupaient le lingot d'or pour se jurer amitié.

(9) TRƯONG-NGHI. — Homme d'État des plus célèbres de l'antiquité, lettré savant, il fut redevable de ses hautes fonctions à une supplique qu'il avait adressée au roi alors qu'il n'était qu'un pauvre étudiant.

(10) TRƯONG-KHIÊN. — Ministre de la dynastie des HÁN, en se rendant au pays des peuplades barbares, il avait fait un voyage doublement dangereux, car sa frêle embarcation pouvait chavirer, alors que les barbares pouvaient le tuer.

(11) HÙNG-NÔ. — Peuplades barbares auxquels le roi des HÁN avait dû offrir leur fille en mariage pour obtenir leur soumission.

(12) TRƯONG-LUÔNG. — Grand lettré du temps des HÁN, à l'aide des baguettes que tenait le roi, il avait fait comprendre à celui-ci que le plan politique qu'il allait appliquer mettait le pays en danger.



Ah ! que votre concours nous le rendrait aisé,  
Le grand œuvre que nous devons réaliser.

C'est pour avoir manqué d'hommes d'un tel génie  
Qu'on vit la cour des Tán par l'herbe ensevelie.

Dès l'abord et malgré votre modeste aspect  
Notre œil bleu <sup>(13)</sup> reconnut l'homme qu'il nous fallait.

Votre mérite vous distingue entre les hommes ;  
Votre pareil n'existe pas dans le royaume.

L'oiseau rare dont le doux chant charme nos sens,  
Revient toujours au bois cher à ses jeunes ans,

Et le poisson gêné dans sa prison mauvaise  
Cherche le large afin d'y nager à son aise.

Au Nord, les Ngô ; à l'Est, les Nguy ; il a fallu  
Au pays Sô un Gia-Cát-Lương pour son salut.

D'où vous vient donc, ami Sî-Tái, cette amertume ?  
Pourquoi dans votre cœur ce souci qui l'embrume ?

Du secret qu'en ce cœur nous avons dépisté.  
Le ciel seul jusqu'ici connut l'immensité.

Une rencontre heureuse et providentielle  
Près d'un roi généreux mit un sujet fidèle ;

Mais vous gardez, si près du trône impérial,  
Le désir de revoir le vieux chaume natal.

A peine en avez-vous adressé la requête,  
Pour ce pays lointain votre départ s'apprête.

L'espoir, malgré cette distance, nous est doux  
Que, comme Đao-Tiêm, vous reviendrez à nous.

Comme vers vous sans cesse ira notre pensée,  
Que la vôtre chez nous soit à jamais laissée.

Nos vœux vont avec vous sur le chemin amer  
Pour un voyage heureux, pour une bonne mer.

Car il vous a donné d'assez longues souffrances,  
Ce vent qui a sévi cinq mois en permanence.

Seul sur la mer immense, en sondant votre cœur,  
Vous pourrez mesurer votre œuvre et sa grandeur.

Nous resterons, notre âme avec vous envolée,  
Ainsi que de Vọng-Phu <sup>(14)</sup> la femme désolée.

(13) MẮT-XANH (Œil bleu). — expression littéraire équivalente à : Distinguer les hommes de valeur parmi la foule.

(14) VỌNG-PHU. — La femme qui attend son mari. Cette femme se tenait debout sur la montagne, regardant la direction par laquelle son époux devait être de retour. Elle attendait pendant si longtemps qu'elle s'était transformée en pierre. Sur la route d'Annam, on trouve sur une montagne, un roc qui a la forme de la femme attendant son époux.



Bien qu'au chaume natal vous poussent vos amours,  
Près de nous par le cœur vous resterez toujours.

Notre communion a été trop complète  
Pour laisser séparer ou nos cœurs ou nos têtes.

Du jour où par ma main l'alcool vous fut offert  
En adieu, quel tourment mon cœur n'a-t-il souffert...

Les rocs abrupts de Ngô, compliqués des méandres  
De Sô, ah ! quel obstacle entre nous va se tendre.

Ce récit que dans notre deuil nous composons,  
Il vous plaira de l'afficher dans la maison ;

Mais ni de ce pinceau la grandeur infinie  
Ni le jade ni l'or ne vaut votre génie.

Aux décrets des destins il nous faut obéir ;  
Mais ces destins, tâchons de loin de les unir.

Ayez, la méritant, une gloire éternelle ;  
Cela seul nous rendra l'absence moins cruelle.

Pour vous guider sur eux dans la route à tenir  
Regardez-vous toujours dans le miroir des sages ;

Que votre nom rayonne à travers tous les âges,

Et que notre amitié marque tout l'avenir.










# RÉPONSE

de Pétrus J. B. TRƯỜNG-VĨNH-KÝ, en date du 27 Septembre 1886,  
à la lettre de S. M. l'Empereur ĐỒNG-KHÁNH.

## TÀU HOÀNG-THƯỢNG,

CHUYẾN này tôi ra châu Hoàng-Thượng đã hơn bốn tháng trời. Vợ con cũng xin ra theo hơn một tháng rồi nay. Nay vì đến lúc phải ẩn-mặt đi một hồi, cho được việc cho Nước-nhà cho Hoàng-Thượng. Bây giờ có khi Hoàng-Thượng chưa có thấy rõ là cần phải như vậy, mà sau rồi cuộc mới biết là mưu. Bước chôn ra đi vợ liệ dùi, nước mắt không ráo tròng, tám phần luyến chúa, hai phần tư gia, dùng-dằng biếng bước muốn dừng, mà cơ-quan khiến như thế biết sao. Lại thấy lòng Hoàng-Thượng cao-minh quảng-đại ban đồ trân-bửu, ngự bút thỏ vân vân, lại càng hổ trong lòng vì thời-thế chưa cho làm cái gì cho đáng cho mưu cho Hoàng-Thượng nhờ mà Hoàng-Thượng hậu-đãi thể ấy thì đêm ngày ngồi đứng chẳng quên dặng, nhưng trông có trời xây lại cho mau cho âu vàng vững đặt, cho ngôi báu bền yên, nước an nhà lợi, biển lặng, sông trong thì mới thỏa chút tấm trung trinh. ■ Xuống cửa Thuận-





An mắc trời động, xuống tàu không được, cũng là cuộc hay: vì Quan Toàn-Quyền xuống tìm mà bàn-tính các việc trọng cho Nước-nhà ta, thời hai bên hợp ý nhau, để tính cho nên việc: Lảnh ý rồi, hoặc tôi đi ra Bắc với người mà bàn việc cho rõ-ràng sự-tình, tôi đó có sẵn tàu mà về Nam cho luôn trót thế cũng là 天之使然 ■ Việc lớn gấp có mấy điều kể sau này: 1° Làm ra năm, mười khoản ước cho rõ việc Nước mình với Nước Đại-Pháp bảo-hộ (tôi xin Toàn-Quyền cũng làm một bốn đảng Nhà-Nước ta nghị ra một bốn) để sau hội lại mà tính với nhau. 2° Hễ dỡ ra mà đào cái Kênh nhỏ biệt sở Mang-cá ra, thì xin cho dân đào cho đông mà làm cho mau, đảng cho mau thông-thả cho Hoàng-Thượng cùng Triều-Đình. 3° Hễ khi công làm đường về Quảng-Nam xin bắt xâu cho nhiều mà làm cho mau cho tiện đường ra vô chỗ-chuyên trong mùa khó này. ■ Xin nhắc Hoàng-Thượng chuyên học tiếng học chữ Đại-Pháp cho. Xin chúc cho Hoàng-Thượng muôn năm... cùng trông ít lâu nữa tôi cũng lại được thừa Thiên-Nhan, vì có chia rồi mới có hiệp. ■ Xin nhớ việc về ông Ấn-Sĩ, lại cho một ít cấp-bằng Hàn-lâm-viện cho một ít người ấn-sĩ xin bên Tây để cho đông vây-cánh mình.

Thuận-An, 27 Septembre  
30 tháng tám Bính-Tuất 1886



Traduction en français  
par  
Nicolas TRU'O'NG-VĨNH-TỔNG

---

SIRE,

PENDANT quatre mois, il m'a été donné de servir sous les ordres de Votre Majesté. Ma femme et mes enfants sont venus également me rejoindre depuis un mois et demi. Le moment est venu où je dois disparaître momentanément de la scène afin de permettre aux affaires de l'Etat d'évoluer au mieux des intérêts de Votre Majesté. Sans doute Votre Majesté n'apercevra pas maintenant la nécessité de mon attitude, mais plus tard, avec le recul du temps, elle verra mieux que ma disparition temporaire n'aura été qu'une manœuvre de circonstance. ■ Quoi qu'il en soit, en me mettant en route avec ma femme et mes enfants, mes yeux se mouillent continuellement de larmes : l'immense tristesse dont je suis maintenant saisi provient pour huit dixièmes de ce que je me suis séparé de Votre Majesté, et pour deux dixièmes de ce que je me trouve éloigné de ma famille. Aussi hésité-je à chaque moment à avancer mes pas, tenté que je suis toujours de revenir en arrière. Mais le sort en est jeté, je me dois de faire ce qui est inévitable. ■ Les bontés de Votre Majesté, sa grande sollicitude à mon égard, dont je viens d'obtenir le témoignage par les nombreux présents qu'elle m'a donnés, me rendent confus ; en voyant tant de choses précieuses, la lettre royale, je suis honteux de n'avoir pas encore été en mesure de faire quelque chose de réellement utile à Votre Majesté. Tout ce que Votre Majesté a fait en ma faveur, me fera penser jour et nuit à ma tâche, et du fond du cœur je souhaite que le temps soit proche où votre règne sera assis sur des bases solides, de façon que la paix du royaume et le bonheur de la famille impériale soient assurés. En tant que sujet fidèle de Votre Majesté, je ne serai complètement satisfait que lorsque j'aurai appris que la mer est devenue tranquille et l'eau du fleuve limpide. ■ A mon arrivée au port de Thuân, la mauvaise mer m'a empêché de gagner immédiatement le bord du bateau, contretemps qui a tourné à mon avantage : car à ce moment





précis M. le Résident Général m'a envoyé chercher pour me consulter sur des affaires d'Etat d'une importance incontestable. Tous les deux, nous nous trouvons d'accord sur ce qu'il y a à faire. Je me suis mis aux ordres de M. le Résident Général pour l'accompagner au Tonkin ; un bateau est justement là pour me prendre ; on dirait que c'est le Ciel qui l'a voulu (en favorisant ainsi mon voyage au Tonkin). ■ Parmi les grandes choses à réaliser, je signale ceci à Votre Majesté : 1° Faire un traité de cinq à dix articles pour définir une fois pour toutes la situation de l'Annam vis-à-vis du Gouvernement du Protectorat. J'ai demandé à M. le Résident Général de rédiger un texte ; de mon côté j'en présenterai un autre ; on confrontera ensuite les deux textes pour choisir ce qu'ils ont de bon. ■ 2° Quand on commencera les travaux de creusement du canal qui devra isoler Mangcà, il conviendra de prendre le plus de coolies possible de façon que ce travail soit terminé rapidement. C'est à cette condition que la Cour et Votre Majesté même trouveront la tranquillité qui leur est due. ■ 3° Quand on aura commencé les travaux de construction de la route vers le Quảng-Nam, prendre le plus grand nombre possible de coolies pour que cette route soit achevée dans le plus bref délai ; de cette façon on aura réussi à rendre facile le trafic qui est intense dans cette région surtout dans la prochaine saison des pluies. ■ J'ose rappeler à Votre Majesté sa volonté d'apprendre le français. Je forme mille vœux pour le bonheur et la prospérité de Votre Majesté. En ce qui me concerne, je ne souhaite qu'une chose, c'est d'avoir le bonheur de me trouver à nouveau sous les ordres de Votre Majesté car, d'après la loi naturelle, la séparation précède la réunion. ■ Que Votre Majesté se souvienne de l'affaire du lettré-ermite... ■ Qu'un contingent de brevets de mandarinat soit réservé aux Français de France, de façon à créer à Votre Majesté des amitiés qui lui seront très utiles dans la suite.



Thuận-An, 27 Septembre  
30 du 8<sup>e</sup> mois de l'année 1886



